

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THAY THẾ VÀ
BÃI BỎ LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCHN ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1.	1.015014	Thủ tục công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Phân cấp

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế TTHC	Lĩnh vực
A.	Thủ tục hành chính cấp trung ương:				
1.	1.015008	Thủ tục duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích.	<i>Thủ tục duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ</i>	<i>Thông tư số 20/2026/TT-BKHCHN ngày 20/5/2026</i>	Sở hữu trí tuệ
2.	1.015009	Thủ tục gia hạn hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.			
3.	1.015010	Thủ tục sửa đổi thông tin trên văn bằng bảo hộ, thay đổi thông tin trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp.	<i>Thủ tục sửa đổi văn bằng bảo hộ</i>	<i>Thông tư số 20/2026/TT-BKHCHN ngày</i>	Sở hữu trí tuệ

4.	1.015011	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp		20/5/2026	
----	----------	---	--	-----------	--

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	1.015015	Thủ tục công nhận cơ sở đào tạo nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
B Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1.	1.011937	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
2.	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
3.	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
4.	1.013956	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
5.	1.013958	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
6.	1.013959	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026	Sở hữu trí tuệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC¹

I. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp

Trình tự thực hiện	<p><i>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</i></p> <p><i>Cơ sở đào tạo có nhu cầu công nhận đủ điều kiện tổ chức khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 62 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm dịch vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</i></p> <p><i>Bước 2: Thẩm định hồ sơ</i></p> <p><i>- Hồ sơ yêu cầu công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xử lý trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận theo trình tự sau đây:</i></p> <p><i>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, ban hành quyết định công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp trong 15 ngày làm việc.</i></p> <p><i>Ghi nhận thông tin công nhận:</i></p> <p><i>Chủ tịch UBND cấp tỉnh gửi quyết định công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp cho người nộp đơn, đồng thời gửi đến Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) để ghi nhận vào Danh sách cơ sở đủ điều kiện đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định.</i></p> <p><i>+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo.</i></p> <p><i>+ Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn sửa chữa hồ sơ theo thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định từ chối công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp.</i></p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia;</p> <p>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm dịch vụ hành chính công cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Văn bản yêu cầu công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II của Thông tư số</p>

¹ Nội dung in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

	<p>20/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ KH&CN, trong đó điền đầy đủ thông tin của tổ chức đề nghị công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp;</p> <p>- Các tài liệu chứng minh tổ chức đáp ứng tiêu chí, điều kiện công nhận là cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp: Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị; Thông tin về viên chức trong biên chế đã tham gia giảng dạy ở trình độ đại học về sở hữu trí tuệ từ 05 năm trở lên; Danh sách thông tin giảng viên tham gia chương trình đào tạo; Bộ tài liệu chuẩn được phê duyệt để sử dụng, phù hợp với các nội dung được quy định trong cấu trúc Chương trình đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 03 tại Phụ lục II của Thông tư số 20 /2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ KH&CN
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<p>- Tổ chức có nhu cầu công nhận đủ điều kiện tổ chức khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp:</p> <p>a) Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc do Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập, có chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ hoặc cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành luật hoặc các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.</p> <p>b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu tổ chức chương trình đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định;</p> <p>c) Có ít nhất một viên chức thuộc biên chế đã tham gia giảng dạy ở trình độ đại học về sở hữu trí tuệ từ 05 năm trở lên tại thời điểm được công nhận là cơ sở đào tạo đáp ứng tiêu chí, điều kiện tổ chức khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp.</p>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025; Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025.</p> <p>- Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ</p>

	<p>quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;</p> <p>- <i>Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i></p>
--	--

CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP (Nếu có)
TÊN TỔ CHỨC

Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

YÊU CẦU CÔNG NHẬN CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Kính gửi:

I. Thông tin của đối tượng đề nghị

- Tên tổ chức đề nghị:
- Trụ sở chính của tổ chức:
- Quyết định thành lập tổ chức: số.....ngày cấp..... nơi cấp
- Mã số thuế:
- Số điện thoại: Email:
- Website:
- Người đại diện theo pháp luật:.....Chức vụ:.....
- Người liên hệ:.....Số điện thoại:..... Email:.....

II. Hồ sơ kèm theo

- Các tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí, điều kiện công nhận là cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp:

- + Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị;
- + Thông tin về viên chức trong biên chế đã tham gia giảng dạy ở trình độ đại học về sở hữu trí tuệ từ 05 năm trở lên;
- + Danh sách giảng viên tham gia chương trình đào tạo;
- + Bộ tài liệu chuẩn được phê duyệt để sử dụng, phù hợp với các nội dung được quy định trong cấu trúc Chương trình đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ.

Kính đề nghị quý Cơ quan xem xét và công nhận./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Thủ tục duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ <i>Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i></p> <p>- Bước 2: Xử lý hồ sơ + <i>Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo về việc duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ, ghi nhận gia hạn hiệu lực vào Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (nếu có yêu cầu), ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo.</i> + <i>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ, có nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối.</i> + <i>Nếu kết thúc thời hạn đã ấn định nêu trên mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối nhưng không xác đáng, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ.</i> + <i>Trường hợp người nộp đơn có văn bản rút hồ sơ duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được văn bản, Cục Sở hữu trí tuệ xử lý rút hồ sơ duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ như sau:</i> <i>Trường hợp văn bản rút hồ sơ duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo chấp nhận rút hồ sơ và chấm dứt việc xử lý hồ sơ duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ. Hồ sơ duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ đã rút không thể được khôi phục.</i> <i>Trường hợp văn bản rút hồ sơ duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối và ấn định thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo để người nộp đơn khắc phục thiếu sót. Nếu kết thúc thời hạn đã ấn định mà người nộp đơn không khắc phục thiếu sót hoặc khắc phục thiếu sót nhưng không đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo từ chối rút hồ sơ duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ.</i> + <i>Sau khi thủ tục gia hạn hiệu lực đã hoàn tất, trường hợp chủ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng</i></p>
---------------------------	--

	<i>ký nhãn hiệu yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận quyết định gia hạn hiệu lực vào văn bằng bảo hộ thì phải thực hiện thủ tục sửa đổi thông tin trên văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí theo quy định.</i>
Cách thức thực hiện	- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- <i>Thành phần hồ sơ yêu cầu, bao gồm:</i> + <i>Tờ khai theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN;</i> + <i>Bản gốc Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (trường hợp có yêu cầu ghi nhận gia hạn hiệu lực vào văn bằng bảo hộ dạng giấy);</i> + <i>Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện). Trường hợp chỉ gia hạn hiệu lực một số phương án đối với Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp hoặc một phần danh mục hàng hóa, dịch vụ đối với Giấy chứng 5 nhận đăng ký nhãn hiệu, phải có thông tin về việc ủy quyền gia hạn hiệu lực với phạm vi tương ứng;</i> - <i>Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</i>
Thời hạn giải quyết	- <i>01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ</i> - <i>Nếu có yêu cầu rút đơn: 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu.</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân, tổ chức.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Sở hữu trí tuệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<i>Thông báo về việc duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ và ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp.</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	- <i>Lệ phí duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ: 50.000 đồng/điểm/phương án/nhóm.</i> (<i>Kể từ ngày 01/01/2027 lệ phí duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ: 100.000 đồng/ điểm/phương án/nhóm</i>) - <i>Phí thẩm định yêu cầu duy trì, gia hạn: 160.000 đồng/hồ sơ yêu cầu.</i> - <i>Phí công bố thông tin: 120.000 đồng/hồ sơ yêu cầu.</i> - <i>Phí đăng bạ thông tin: 120.000 đồng/văn bằng bảo hộ.</i> - <i>Phí sử dụng văn bằng bảo hộ: 700.000 đồng/phương án/nhóm (đối với Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu); hoặc mỗi năm/điểm yêu cầu bảo hộ độc lập (đối với Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích)</i> + <i>Năm thứ nhất, năm thứ 2: 300.000 đồng</i> + <i>Năm thứ 3, năm thứ 4: 500.000 đồng.</i> + <i>Năm thứ 5, năm thứ 6: 800.000 đồng.</i>

	<p>+ Năm thứ 7, năm thứ 8: 1.200.000 đồng. + Năm thứ 9, năm thứ 10: 1.800.000 đồng. + Năm thứ 11 - năm thứ 13: 2.500.000 đồng. + Năm thứ 14 - năm thứ 16: 3.300.000 đồng. + Năm thứ 17 - năm thứ 20: 4.200.000 đồng.</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Tờ khai duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<p>- Chủ văn bằng bảo hộ phải nộp hồ sơ yêu cầu duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ cho Cục Sở hữu trí tuệ trước ngày kết thúc kỳ hạn hiệu lực của Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, trong vòng 06 tháng tính đến trước ngày hết hiệu lực của Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.</p> <p>- Yêu cầu duy trì, gia hạn hiệu lực có thể được nộp sau thời hạn quy định, nhưng không được quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ hạn hiệu lực của Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích hoặc kể từ ngày Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hết hiệu lực với điều kiện chủ văn bằng bảo hộ phải nộp lệ phí cho mỗi tháng bị muộn theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.</p> <p>- Người nộp đơn nộp đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định</p>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 10/12/2025;</p> <p>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025.</p> <p>- <i>Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i></p>

TỜ KHAI DUY TRÌ, GIA HẠN HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ Người nộp đơn dưới đây yêu cầu duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp ²	Mã hồ sơ thủ tục hành chính: Số đơn: Ngày nộp đơn:
---	---

(I) VĂN BẰNG BẢO HỘ YÊU CẦU DUY TRÌ HIỆU LỰC
(Chỉ chọn một trong các loại văn bằng bảo hộ)

<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền sáng chế	Số Bằng độc quyền:
<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	Số điểm yêu cầu bảo hộ độc lập:
	Năm duy trì hiệu lực:

(II) VĂN BẰNG BẢO HỘ YÊU CẦU GIA HẠN HIỆU LỰC
(Chỉ chọn một trong các loại văn bằng bảo hộ)

<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	Số Bằng độc quyền: <input type="checkbox"/> Gia hạn toàn bộ văn bằng bảo hộ <input type="checkbox"/> Gia hạn một phần văn bằng bảo hộ (trường hợp văn bằng bảo hộ có nhiều phương án): ...
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	Số Giấy chứng nhận: <input type="checkbox"/> Gia hạn toàn bộ danh mục hàng hóa, dịch vụ <input type="checkbox"/> Gia hạn một phần danh mục hàng hóa, dịch vụ (nêu nhóm hoặc hàng hóa, dịch vụ cụ thể):

(III) NGƯỜI NỘP ĐƠN (tổ chức, cá nhân yêu cầu)³:

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình: Cá nhân/ Doanh nghiệp/ Viện nghiên cứu / Trường đại học / Khác
Trường hợp người nộp đơn là tổ chức/cá nhân Việt Nam:

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

(IV) ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN

² Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "X" vào ô nếu các thông tin ghi sau các ô này là phù hợp.

³ Mã quốc gia, Mã quốc tịch là mã hai chữ cái thể hiện tên quốc gia theo Tiêu chuẩn ST.3 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, ví dụ VN, US, JP.

- Là tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được người nộp đơn ủy quyền, **Mã số đại diện:**
- Là văn phòng đại diện/chi nhánh tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức Việt Nam
- Là văn phòng đại diện/chi nhánh/tổ chức 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức nước ngoài
- Là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn là cá nhân
- Là người đại diện theo ủy quyền của người nộp đơn là cá nhân (không nhằm mục đích kinh doanh)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước (đối với cá nhân):

(4) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(5) Điện thoại:

(6) Email:

(V) THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC THƯƠNG MẠI SÁNG CHẾ/KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP⁴:

Đang được khai thác thương mại

Chưa được khai thác thương mại

(VI) PHÍ, LỆ PHÍ		ĐVT:		
Nghìn đồng				
Loại phí, lệ phí	Đơn vị tính	Số lượng	Mức thu	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ			
<input type="checkbox"/> Lệ phí duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ	điểm yêu cầu bảo hộ độc lập			
	nhóm hàng hóa/dịch vụ			
	phương án của từng sản phẩm			
<input type="checkbox"/> Lệ phí duy trì hiệu lực muộn	tháng nộp muộn			
<input type="checkbox"/> Phí sử dụng văn bằng bảo hộ	điểm yêu cầu bảo hộ độc lập			
	nhóm hàng hóa/dịch vụ			
	phương án của từng sản phẩm			
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ			
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ	quyết định			
Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:				
(Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bằng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định)				

⁴ Hoạt động khai thác thương mại ở đây được hiểu là việc áp dụng giải pháp kỹ thuật được bảo hộ vào sản xuất, kinh doanh thông qua các hình thức như: tự khai thác, chuyển giao quyền, thế chấp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, ...

(VII) DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	KIỂM TRA DANH MỤC
[] Tờ khai, gồmtrang	[]
[] Bản gốc văn bằng bảo hộ (trường hợp bản gốc văn bằng bảo hộ được cấp dưới dạng giấy và có yêu cầu ghi nhận việc gia hạn vào văn bằng bảo hộ)	[]
([] bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	[]
[] Bản gốc văn bản uỷ quyền bằng tiếng,	[]
[] Bản dịch tiếng Việt văn bản uỷ quyền, gồm trang	[]
[] Bản sao văn bản uỷ quyền ([] Bản gốc nộp sau; [] Bản gốc nộp theo đơn số:.....)	[]
[] Tài liệu khác, cụ thể:	[]
	Cán bộ nhận đơn:

(VIII) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ngày ... tháng ... năm

Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn

(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

2. Thủ tục sửa đổi văn bằng bảo hộ

Trình tự thực hiện	<p>- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p><i>Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu sửa đổi thông tin trên văn bằng bảo hộ, thay đổi thông tin trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i></p> <p>- Bước 2: Xử lý hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn thẩm định lại quy định tại điểm d khoản 5 Điều 12 Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ, hoặc ra quyết định ghi nhận thay đổi tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp, ghi nhận vào văn bằng bảo hộ, đăng bạ và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định. Trường hợp sửa đổi văn bằng bảo hộ do chuyển nhượng một phần danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu được bảo hộ thì cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho bên được chuyển nhượng và xác định giới hạn danh mục hàng hóa, dịch vụ trong văn bằng bảo hộ gốc đối với phần chuyển nhượng đó</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ yêu cầu không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối yêu cầu sửa đổi, nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối.</p> <p>+ Nếu kết thúc thời hạn đã ấn định nêu trên mà người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ, quyết định từ chối ghi nhận thay đổi tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.</p> <p>+ Đối với các yêu cầu sửa đổi quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 12 Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN, thủ tục thẩm định lại đơn tương ứng được tiến hành theo quy định tại Điều 114 của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>+ Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ mà văn bằng bảo hộ đã bị chấm dứt hoặc hết hiệu lực bảo hộ theo quy định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ trừ trường hợp nội dung yêu cầu sửa đổi nhằm ghi nhận thông tin chính xác trước thời điểm văn bằng bảo hộ bị chấm dứt hiệu lực. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc trong quá trình xử lý hồ sơ mà văn bằng bảo hộ đã bị hủy bỏ hiệu lực, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ.</p> <p>+ Cục Sở hữu trí tuệ tạm dừng xử lý yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ trong trường hợp nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền đề nghị tạm dừng xử lý để thực hiện các quyết định,</p>
--------------------	---

thủ tục liên quan theo quy định pháp luật hoặc văn bản về việc đối tượng quyền sở hữu công nghiệp theo văn bằng bảo hộ đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm hoặc bản sao thông báo thụ lý vụ án của Tòa án hoặc bản sao thông báo của Trung tâm trọng tài (hoặc văn bản tương đương) về tranh chấp liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quy định tại điểm này, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo về tạm dừng xử lý yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ và gửi cho các bên liên quan. Yêu cầu sửa đổi sẽ được tiếp tục xử lý khi Cục Sở hữu trí tuệ nhận được các tài liệu chứng minh quyết định, thủ tục liên quan đã chấm dứt.

+ Trường hợp người nộp đơn có văn bản yêu cầu rút hồ sơ sửa đổi văn bằng bảo hộ, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được văn bản, Cục Sở hữu trí tuệ xử lý yêu cầu rút hồ sơ như sau:

Trường hợp yêu cầu rút hồ sơ sửa đổi hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo chấp nhận rút yêu cầu và chấm dứt việc xử lý yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ. Yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ đã rút không thể được khôi phục.

Trường hợp yêu cầu rút hồ sơ sửa đổi không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối rút yêu cầu và ấn định thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo để người nộp đơn khắc phục thiếu sót. Nếu kết thúc thời hạn đã ấn định mà người nộp đơn không khắc phục thiếu sót hoặc khắc phục thiếu sót nhưng không đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo từ chối rút yêu cầu.

Trường hợp một trong các bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp muốn rút hồ sơ sửa đổi văn bằng bảo hộ, yêu cầu rút hồ sơ sửa đổi theo quy định tại khoản này chỉ được Cục Sở hữu trí tuệ xử lý nếu có ý kiến đồng thuận của bên còn lại về việc rút hồ sơ, trừ trường hợp rút hồ sơ do không thể khắc phục được các thiếu sót theo yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ

+ Trường hợp phát hiện có thiếu sót trong văn bằng bảo hộ, Cục Sở hữu trí tuệ tự mình hoặc theo yêu cầu của người phát hiện ra thiếu sót thực hiện việc sửa đổi thông tin thiếu sót và phát hành lại văn bằng bảo hộ hoặc ghi nhận nội dung sửa đổi vào văn bằng bảo hộ gốc.

Đối với văn bằng bảo hộ dạng giấy, chủ văn bằng bảo hộ cần nộp bản gốc văn bằng bảo hộ có thiếu sót cho Cục Sở hữu trí tuệ để thu hồi và phát hành lại văn bằng bảo hộ với thông tin đã được sửa đổi hoặc ghi nhận nội dung sửa đổi vào văn bằng bảo hộ gốc. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ nhận được văn bằng bảo hộ gốc, Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện sửa đổi thông tin thiếu sót và gửi kết quả cho chủ văn bằng bảo hộ. Chủ văn bằng bảo hộ phải nộp phí thẩm định yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 97 của

	<i>Luật Sở hữu trí tuệ, phí đăng bạ và phí công bố thông tin sửa đổi nếu thiếu sót do lỗi của chủ văn bằng bảo hộ, trừ trường hợp thiếu sót đó do lỗi của Cục Sở hữu trí tuệ.</i>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai sửa đổi văn bằng bảo hộ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II của Thông tư số 20/2026/TT-BKHHCN, trong đó nêu rõ yêu cầu sửa đổi. Một tờ khai sửa đổi có thể yêu cầu sửa đổi nhiều văn bằng bảo hộ (cho cùng loại đối tượng quyền sở hữu công nghiệp) nếu có cùng nội dung sửa đổi, cùng bên nhận chuyển nhượng, với điều kiện người yêu cầu phải nộp phí theo quy định đối với từng văn bằng bảo hộ. - Bản gốc văn bằng bảo hộ trong trường hợp văn bằng bảo hộ được cấp dưới dạng giấy; - Tài liệu xác nhận việc thay đổi tên, địa chỉ (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực); quyết định đổi tên, địa chỉ; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ghi nhận việc thay đổi tên, địa chỉ; các tài liệu pháp lý khác chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) nếu nội dung yêu cầu sửa đổi là tên, địa chỉ trừ trường hợp Cục Sở hữu trí tuệ có thể chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố. Trường hợp không thể khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì Cục Sở hữu trí tuệ gửi văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 02 tháng để cá nhân, tổ chức bổ sung hồ sơ. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; - Bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ kiểu dáng công nghiệp đã sửa đổi nếu yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp (nộp 05 bộ nếu nộp hồ sơ dưới dạng giấy); bản mô tả chỉ dẫn địa lý, bản đồ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý đã sửa đổi nếu yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý (nộp 02 bản nếu nộp hồ sơ dưới dạng giấy); bản quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, bản quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đã sửa đổi, nếu yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận (nộp 02 bản nếu nộp hồ sơ dưới dạng giấy); mẫu nhãn hiệu, nếu yêu cầu sửa đổi mẫu nhãn hiệu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Thông tư số 20/2026/TT-BKHHCN (nộp 05 mẫu nếu nộp hồ sơ dưới dạng giấy); - Tài liệu thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi; - Tài liệu chứng minh việc chuyển dịch quyền sở hữu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư số 20/2026/TT-BKHHCN (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực), nếu yêu cầu thay đổi chủ văn bằng bảo hộ; - Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) và các tài liệu kèm theo, bao gồm:

	<ul style="list-style-type: none"> + Bản dịch hợp đồng ra tiếng Việt (nếu hợp đồng được làm bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt); + Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu về việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp, nếu quyền sở hữu công nghiệp tương ứng thuộc sở hữu chung; hoặc bên nhận thế chấp đối với trường hợp quyền sở hữu công nghiệp đang được sử dụng làm tài sản thế chấp; + Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể hoặc quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của bên nhận chuyển nhượng theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 69 của Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN (trường hợp chuyển nhượng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận); + Tài liệu chứng minh quyền nộp đơn của bên nhận chuyển nhượng đối với nhãn hiệu chứng nhận hoặc nhãn hiệu tập thể theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 87 của Luật Sở hữu trí tuệ (trường hợp chuyển nhượng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận); - Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện). Đối với trường hợp sửa đổi văn bằng bảo hộ theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải có thông tin về việc ủy quyền yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ; - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 02 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, không bao gồm thời gian dành cho người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót và thời gian tiến hành thẩm định lại đối với các trường hợp sửa đổi bản mô tả tính chất, đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, khu vực địa lý, quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; thu hẹp phạm vi bảo hộ, chuyển nhượng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; - Nếu có yêu cầu rút đơn: 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cá nhân, tổ chức.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Sở hữu trí tuệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ; - Quyết định ghi nhận thay đổi tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp; - Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (đối với trường hợp sửa đổi văn bằng bảo hộ do chuyển nhượng một phần danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu).
Phí, lệ phí (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ: 160.000 đồng/văn bằng bảo hộ; - Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ do chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: 230.000 đồng/văn bằng bảo hộ.

	<ul style="list-style-type: none"> - Phí đăng bạ Quyết định ghi nhận sửa đổi Văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng/văn bằng bảo hộ; - Phí công bố Quyết định ghi nhận sửa đổi Văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng/hồ sơ yêu cầu; - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 120.000 đồng/văn bằng bảo hộ (trường hợp sửa đổi văn bằng bảo hộ do chuyển nhượng một phần danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu); - Nếu yêu cầu sửa đổi thu hẹp phạm vi bảo hộ, nộp thêm phí thẩm định yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ: + Đối với Bằng độc quyền sáng chế: 720.000 đồng/điểm yêu cầu bảo hộ độc lập. + Đối với Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp: 700.000 đồng/phương án. + Đối với Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu: 550.000 đồng/nhóm hàng hóa, dịch vụ. - Nếu yêu cầu sửa đổi bản mô tả tính chất, đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, khu vực địa lý, quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, sửa đổi do chuyển nhượng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận phải nộp thêm phí thẩm định lại đơn tương ứng: + Đối với Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý: 1.200.000 đồng/văn bằng bảo hộ. + Đối với Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu: 550.000 đồng/nhóm hàng hóa, dịch vụ. <p>*Trường hợp thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID, được miễn lệ phí cấp văn bằng bảo hộ kể từ ngày 01/4/2026 đến ngày 31/12/2026.</p>
<p>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)</p>	<p><i>Tờ khai sửa đổi văn bằng bảo hộ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II của Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN</i></p>
<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ chỉ được giới hạn ở những nội dung sau:</i> + <i>Yêu cầu giảm bớt một hoặc một số điểm độc lập hoặc phụ thuộc thuộc yêu cầu bảo hộ ghi trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích;</i> + <i>Yêu cầu loại bỏ một hoặc một số phương án kiểu dáng công nghiệp, một hoặc một số sản phẩm trong bộ sản phẩm trong Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.</i> + <i>Yêu cầu giảm bớt một hoặc một số hàng hóa, dịch vụ hoặc nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hoặc loại bỏ các chi tiết nhỏ là yếu tố bị loại trừ (không bảo hộ riêng) nhưng không làm thay đổi khả năng phân biệt của nhãn hiệu ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.</i> - <i>Người yêu cầu sửa đổi thông tin trên văn bằng bảo hộ phải là chủ văn bằng bảo hộ, tổ chức, cá nhân được nhà nước cho phép thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý.</i>

	<p>- Yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ do chuyển nhượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp chỉ được chuyển nhượng quyền của mình trong phạm vi được bảo hộ. + Quyền đối với chỉ dẫn địa lý không được chuyển nhượng. + Quyền đối với tên thương mại chỉ được chuyển nhượng cùng với việc chuyển nhượng toàn bộ cơ sở kinh doanh và hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó. + Việc chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu không được gây ra sự nhầm lẫn về đặc tính, nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu. + Quyền đối với nhãn hiệu chỉ được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện đối với người có quyền đăng ký nhãn hiệu đó. + Quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước chỉ được chuyển nhượng cho tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, cá nhân là công dân Việt Nam và thường trú tại Việt Nam. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sở hữu phải thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của tổ chức chủ trì theo quy định. <p>- Người nộp đơn nộp đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.</p>
<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</p>	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 10/12/2025;</p> <p>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025.</p> <p>- Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VneID.</p> <p>- Thông tư số 20/2026/TT-BKHHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>

<p>TỜ KHAI SỬA ĐỔI VĂN BẰNG BẢO HỘ ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ Người nộp đơn dưới đây yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp⁵</p>	<p>Mã hồ sơ thủ tục hành chính</p> <p>Số đơn:</p> <p>Ngày nộp đơn:</p>
--	---

(I) VĂN BẰNG BẢO HỘ YÊU CẦU SỬA ĐỔI

(Chỉ chọn một trong các loại văn bằng bảo hộ)

- Bằng độc quyền sáng chế
- Bằng độc quyền giải pháp hữu ích
- Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp
- Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn
- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu
- Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý

Số văn bằng bảo hộ yêu cầu sửa đổi:

(II) NGƯỜI NỘP ĐƠN (tổ chức, cá nhân yêu cầu)⁶:

1. Người nộp đơn thứ nhất:

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình: Cá nhân/ Doanh nghiệp/ Viện nghiên cứu / Trường đại học / Khác

Trường hợp người nộp đơn là tổ chức/cá nhân Việt Nam:

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

2. Người nộp đơn thứ hai (nếu có)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình: Cá nhân/ Doanh nghiệp/ Viện nghiên cứu / Trường đại học / Khác

Trường hợp người nộp đơn là tổ chức/cá nhân Việt Nam:

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

⁵ Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "X" vào ô nếu các thông tin ghi sau các ô này là phù hợp.

⁶ Mã quốc gia, Mã quốc tịch là mã hai chữ cái thể hiện tên quốc gia theo Tiêu chuẩn ST.3 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, ví dụ VN, US, JP.

- (6) Mã số thuế (đối với tổ chức):
 (7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):
 (8) Điện thoại:
 (9) Email:

.....

(III) ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN

- Là tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được người nộp đơn ủy quyền, **Mã số đại diện:**
 Là văn phòng đại diện/chi nhánh tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức Việt Nam

Là văn phòng đại diện/chi nhánh/tổ chức 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam của người nộp đơn là tổ chức nước ngoài

Là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn là cá nhân

Là người đại diện theo ủy quyền của người nộp đơn là cá nhân (không nhằm mục đích kinh doanh)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Số căn cước (đối với cá nhân):

(4) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(5) Điện thoại:

(6) Email:

(IV) NỘI DUNG YÊU CẦU SỬA ĐỔI

Tên, địa chỉ của chủ văn bằng bảo hộ, cụ thể:

Tên, địa chỉ của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý, cụ thể:

Tên, địa chỉ, quốc tịch của tác giả sáng chế/kiểu dáng công nghiệp/thiết kế bố trí:

Thay đổi chủ văn bằng bảo hộ (chuyển dịch quyền sở hữu do thừa kế, kế thừa, sáp nhập, chia, tách, hợp nhất, liên doanh, liên kết, thành lập pháp nhân mới của cùng chủ sở hữu, chuyển đổi hình thức kinh doanh hoặc theo quyết định của Tòa án hoặc của cơ quan có thẩm quyền khác, chuyển nhượng quyền sở hữu), cụ thể:

Ghi nhận thay đổi về tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp của chủ văn bằng bảo hộ:

.....

Sửa đổi bản mô tả chỉ dẫn địa lý, khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý, quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận (bản sửa đổi và thuyết minh nộp kèm theo)

Yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 của Luật Sở hữu trí tuệ (bản sửa đổi và thuyết minh nộp kèm theo)

Nội dung khác:

.....

(Có thể dùng trang bổ sung, nếu cần)

(V) BÊN THỨ HAI TRONG HỢP ĐỒNG (KHÔNG ĐÚNG TÊN NGƯỜI NỘP ĐƠN)

(TRƯỜNG HỢP CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP)

1. Tổ chức/cá nhân thứ nhất:

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình: Cá nhân/ Doanh nghiệp/ Viện nghiên cứu / Trường đại học / Khác

Trường hợp tổ chức/cá nhân Việt Nam:

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

2. Tổ chức/cá nhân thứ hai (nếu có)

(1) Tên đầy đủ:

(2) Địa chỉ:

(3) Mã quốc gia của địa chỉ:

(4) Mã quốc tịch của người nộp đơn:

Loại hình: Cá nhân/ Doanh nghiệp/ Viện nghiên cứu / Trường đại học / Khác

Trường hợp tổ chức/cá nhân Việt Nam:

(5) Số căn cước (đối với cá nhân):

(6) Mã số thuế (đối với tổ chức):

(7) Mã quan hệ ngân sách (đối với các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước):

(8) Điện thoại:

(9) Email:

(VI) PHÍ, LỆ PHÍ		ĐVT:		
Nghìn đồng				
Loại phí, lệ phí	Đơn vị tính	Số lượng	Mức thu	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ	mỗi nội dung sửa đổi (của mỗi văn bằng bảo hộ)			
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ				
a) Trường hợp yêu cầu giảm bớt một hoặc một số hàng hóa, dịch vụ hoặc nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hoặc loại bỏ các chi tiết nhỏ là yếu tố bị loại trừ (không bảo hộ riêng) nhưng không làm thay đổi khả năng phân biệt của nhãn hiệu ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu;	nhóm			
b) Trường hợp yêu cầu giảm bớt một hoặc một số điểm độc lập hoặc phụ thuộc thuộc phạm vi (yêu cầu) bảo hộ ghi trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích;	điểm độc lập			

c) Trường hợp yêu cầu loại bỏ một hoặc một số phương án kiểu dáng công nghiệp, một hoặc một số sản phẩm trong bộ sản phẩm trong Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.	phương án			
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định đơn đăng ký sở hữu công nghiệp (thẩm định lại đối tượng nêu trong đơn đối với trường hợp sửa đổi bản mô tả chỉ dẫn địa lý, khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý, quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận)	văn bằng bảo hộ			
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ do chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp	văn bằng bảo hộ			
<input type="checkbox"/> Phí tra cứu trùng hoặc tương tự của cùng chủ sở hữu phục vụ việc thẩm định hồ sơ sửa đổi văn bằng bảo hộ do chuyển nhượng nhãn hiệu	văn bằng bảo hộ			
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định đơn đăng ký sở hữu công nghiệp (thẩm định lại đối tượng nêu trong đơn đối với trường hợp chuyển nhượng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận)	nhóm			
<input type="checkbox"/> Nếu mỗi nhóm có trên 6 hàng hóa/dịch vụ, phải nộp thêm cho mỗi hàng hóa/dịch vụ từ thứ 7 trở đi	sản phẩm/ dịch vụ			
<input type="checkbox"/> Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (trường hợp chuyển nhượng một phần danh mục hàng hóa/dịch vụ mang nhãn hiệu)	nhóm			
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ			
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ	quyết định			
<input type="checkbox"/> nếu có trên 1 hình (từ hình thứ 2 trở đi)	hình			
<input type="checkbox"/> bản mô tả có trên 6 trang (từ trang thứ 7 trở đi)	trang			
Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:				
(Nộp kèm theo Bản sao chụp chứng từ/bằng chứng về việc nộp phí, lệ phí theo quy định)				

(VII) DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	KIỂM TRA DANH MỤC
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồmtrang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận việc sửa đổi hợp pháp bằng tiếng	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Mẫu đối tượng sở hữu công nghiệp đã sửa đổi	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ, gồm.....bộ (nếu yêu cầu sửa đổi kiểu dáng công nghiệp)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Mẫu nhãn hiệu (nếu yêu cầu sửa đổi mẫu nhãn hiệu)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Hợp đồng chuyển nhượng, bằng tiếng.....gồm.....trang <input type="checkbox"/> Bản gốc <input type="checkbox"/> Bản sao	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt, gồmtrang	<input type="checkbox"/>

<input type="checkbox"/> Văn bản đồng ý chuyển nhượng của các đồng chủ sở hữu (trong trường hợp đối tượng sở hữu công nghiệp thuộc sở hữu chung), gồm.....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của Bên nhận chuyển nhượng	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh quyền nộp đơn của bên nhận chuyển nhượng đối với nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản gốc văn bằng bảo hộ (trường hợp bản gốc văn bằng bảo hộ được cấp dưới dạng giấy)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản gốc văn bản uỷ quyền bằng tiếng,	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt văn bản uỷ quyền, gồm trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản sao văn bản uỷ quyền (<input type="checkbox"/> Bản gốc nộp sau; <input type="checkbox"/> Bản gốc nộp theo đơn số:.....)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<input type="checkbox"/>
	Cán bộ nhận đơn:

(VII) CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ngày ... tháng ... năm

Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn
(*Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có*)

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Không